

Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

TRẦN ĐẮC HIỂN (*)

Bài viết góp phần làm rõ thực trạng ô nhiễm môi trường ở nước ta trên các phương diện: ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí; đồng thời, phân tích một số nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan dẫn tới sự ô nhiễm môi trường nghiêm trọng như hiện nay. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất, luận chứng một hệ thống các giải pháp nhằm ngăn chặn hiệu quả những hành vi gây ô nhiễm môi trường, hướng tới cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường sống trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam.

Nhìn nay, một vấn đề nóng bỏng, gây bức xúc trong dư luận xã hội cả nước là tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái do các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người gây ra ngày càng trầm trọng, đe dọa trực tiếp sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững, sự tồn tại, phát triển của thế hệ hiện tại và tương lai. Hơn 150 năm trước, Ph.Ăngghen từng nhắc nhở chúng ta rằng, không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên, bởi vì sự thật nhắc nhở chúng ta hoàn toàn không thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, như một người sống bên ngoài thế giới tự nhiên, và tất cả sự thống trị của chúng ta đối với tự nhiên là ở chỗ chúng ta khác tất cả các sinh vật khác, biết nhận thức được những quy luật của giới tự nhiên và sử dụng những quy luật đó một cách đúng đắn(1). Đây là lời khuyến cáo sâu sắc mà chúng ta cần nhận thức và quán triệt nghiêm túc trong hoạt động thực tiễn bảo vệ môi trường.

Đối với nước ta, trong những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới, vì tập trung

ưu tiên phát triển kinh tế và cũng một phần do nhận thức hạn chế nên chưa chú trọng đúng mức việc gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Tình trạng tách rời công tác bảo vệ môi trường với sự phát triển kinh tế - xã hội diễn ra phổ biến ở nhiều ngành, nhiều cấp. Từ đó, dẫn đến những hệ quả tiêu cực về môi trường, đặc biệt là tình trạng ô nhiễm môi trường diễn ra phổ biến và ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội, cuộc sống sinh hoạt của con người. Giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay không chỉ là đòi hỏi cấp thiết đối với các cấp quản lý, các doanh nghiệp, mà còn là trách nhiệm của hệ thống chính trị và của toàn xã hội.

Về ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay, trước hết cần xác định đối tượng gây ô nhiễm, đó chủ yếu là hoạt động sản

(*) Tiến sĩ, Văn phòng Chính phủ.

(1) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.20. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.655.

xuất của các nhà máy, làng nghề và sinh hoạt tại các đô thị lớn. Ô nhiễm môi trường bao gồm 3 loại chủ yếu là: ô nhiễm đất, ô nhiễm nước và ô nhiễm không khí. Trong ba loại ô nhiễm đó ở nước ta thì tình trạng ô nhiễm không khí tại các đô thị lớn, khu công nghiệp và làng nghề là nghiêm trọng nhất, mức độ ô nhiễm vượt nhiều lần tiêu chuẩn cho phép.

Theo báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tính đến ngày 20/4/2008 cả nước có 185 khu công nghiệp được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập trên địa bàn 56 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương(2). Đến hết năm 2008, cả nước có khoảng trên 200 khu công nghiệp. Ngoài ra, còn có hàng trăm cụm, điểm công nghiệp được Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập. Theo báo cáo giám sát của Ủy ban khoa học, công nghệ và môi trường của Quốc hội, tỉ lệ các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung ở một số địa phương rất thấp, có nơi chỉ đạt 15 – 20%, như Bà Rịa – Vũng Tàu, Vinh Phúc. Một số khu công nghiệp có xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung nhưng hầu như không vận hành vì để giảm chi phí. Đến nay, mới có 60 khu công nghiệp đã hoạt động có trạm xử lý nước thải tập trung (chiếm 42% số khu công nghiệp đã vận hành) và 20 khu công nghiệp đang xây dựng trạm xử lý nước thải(3). Bình quân mỗi ngày, các khu, cụm, điểm công nghiệp thải ra khoảng 30.000 tấn chất thải rắn, lỏng, khí và chất thải độc hại khác. Tại Hội nghị triển khai Đề án bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai ngày 26/2/2008, các cơ quan chuyên môn đều có chung đánh giá: nguồn nước thuộc lưu

vực sông Sài Gòn - Đồng Nai hiện đang bị ô nhiễm nặng, không đạt chất lượng mặt nước dùng làm nguồn cấp nước sinh hoạt. Theo số liệu khảo sát do Chi cục Bảo vệ môi trường phối hợp với Công ty cấp nước Sài Gòn thực hiện năm 2008 cho thấy, lượng NH_3 (amoniac), chất rắn lơ lửng, ô nhiễm hữu cơ (đặc biệt là ô nhiễm dầu và vi sinh) tăng cao tại hầu hết các rạch, cống và các điểm xả. Có khu vực, hàm lượng nồng độ NH_3 trong nước vượt gấp 30 lần tiêu chuẩn cho phép (như cửa sông Thị Tím); hàm lượng chì trong nước vượt tiêu chuẩn quy định nhiều lần; chất rắn lơ lửng vượt tiêu chuẩn từ 3 - 9 lần... Tác nhân chủ yếu của tình trạng ô nhiễm này chính là trên 9.000 cơ sở sản xuất công nghiệp nằm phân tán, xen kẽ trong khu dân cư trên lưu vực sông Đồng Nai.

Nhìn chung, hầu hết các khu, cụm, điểm công nghiệp trên cả nước chưa đáp ứng được những tiêu chuẩn về môi trường theo quy định. Thực trạng đó làm cho môi trường sinh thái ở một số địa phương bị ô nhiễm nghiêm trọng. Cộng đồng dân cư, nhất là các cộng đồng dân cư lân cận với các khu công nghiệp, đang phải đối mặt với thảm họa về môi trường. Họ phải sống chung với khói bụi, uống nước từ nguồn ô nhiễm chất thải công nghiệp... Từ đó, gây bất bình, dẫn đến những phản ứng, đấu tranh của người dân đối với những hoạt động gây ô nhiễm môi trường. Nếu các cơ quan chức năng không có các biện pháp ngăn chặn, khắc phục và xử lý kiên

(2) Xem: Bộ Tài nguyên và Môi trường. Văn bản số 67/BC-BTNMT ngày 25/4/2008 về tình hình sử dụng đất của các khu công nghiệp trên địa bàn cả nước.

(3) Xem: Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Báo cáo tình hình hoạt động các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế năm 2008, Hà Nội, 2009.

quyết, kịp thời sẽ làm tăng nguy cơ gây mất ổn định xã hội.

Việc phát triển các làng nghề có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương. Tuy nhiên, hậu quả về môi trường do các hoạt động sản xuất ở đây đưa lại cũng ngày càng nghiêm trọng. Tình trạng ô nhiễm không khí, chủ yếu là do nhiên liệu sử dụng trong các làng nghề là than, lượng bụi và khí CO, CO₂, SO₂ và NOx thải ra trong quá trình sản xuất khá cao. Không gian nông thôn ngày càng bị thu hẹp do đất bị chiếm dụng để xây dựng cơ sở sản xuất, chứa nguyên vật liệu, chất đốt, sản phẩm và nhất là chất thải đủ các loại... Theo điều tra lập bản đồ làng nghề thủ công toàn quốc của tổ chức JICA (Nhật Bản) phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Việt Nam có 2.017 làng nghề, thu hút khoảng 11 triệu lao động. Các làng nghề được phân bố rộng khắp cả nước, trong đó các khu vực tập trung phát triển nhất là Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Tây Bắc Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long. Riêng ở Đồng bằng sông Hồng có 866 làng nghề, chiếm 42,9% cả nước. Do sản xuất vẫn mang tính tự phát ở từng địa phương, không có kế hoạch, lại thiếu một cơ chế quản lý, giám sát của các cơ quan chức năng của Nhà nước (nhất là các sở, phòng Tài nguyên - Môi trường), nên các làng nghề đang phải đối mặt với những thách thức lớn về môi trường. Tình trạng ô nhiễm môi trường ở mức nghiêm trọng xảy ra ở hầu hết các làng nghề; mẫu nước thải ở các làng nghề đều vượt quá tiêu chuẩn cho phép, nước mặt, nước ngầm đều có dấu hiệu ô nhiễm. Theo báo cáo của Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Hoài Đức, Hà Nội, hơn 80% số xã trong huyện có nghề phụ nhưng

không có một cán bộ chuyên trách về môi trường. Phần lớn các làng nghề truyền thống sử dụng công nghệ thủ công lạc hậu, chắp vá, mặt bằng sản xuất chật chội; việc đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, khí thải ít được quan tâm; ý thức bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ sức khỏe cho chính mình và cho cộng đồng của người dân làng nghề nhìn chung rất kém... Nhiều loại bệnh dịch từ đó phát sinh, lan tràn khắp nơi, và chính người dân ở các làng nghề phải gánh chịu hậu quả do hành vi của mình gây ra đầu tiên.

Nhìn chung, tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề hiện nay đã ở mức "báo động đỏ". Trong khi đó, Nhà nước vẫn chưa có được cơ chế kiểm soát và khắc phục bằng các kế hoạch, quy hoạch phát triển làng nghề một cách khoa học, hợp lý; chưa thiết lập được một hệ thống giám sát, quản lý các hoạt động sản xuất của làng nghề có khả năng gây ô nhiễm môi trường; chưa có những chế tài đủ mạnh đối với những hộ làm nghề thủ công gây ô nhiễm môi trường, và cũng chưa kiên quyết đình chỉ hoạt động của những nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Vì vậy, tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái tại các làng nghề tiếp tục diễn ra, ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống, sinh hoạt và sức khỏe của con người.

Bên cạnh các khu công nghiệp và các làng nghề gây ô nhiễm môi trường, tại các đô thị lớn, tình trạng ô nhiễm cũng ở mức báo động. Đó là các ô nhiễm về nước thải, rác thải sinh hoạt, rác thải y tế, không khí, tiếng ồn... Những năm gần đây, sự mở rộng và phát triển của các đô thị tăng nhanh khiến hệ thống cấp thoát nước không đáp ứng nổi và xuống cấp nhanh chóng. Nước thải, rác thải sinh hoạt (vô cơ và hữu cơ) ở đô thị hầu hết

đều trực tiếp xả ra môi trường mà không có bất kỳ một biện pháp xử lý nào ngoài việc vận chuyển đến bãi chôn lấp. Theo thống kê của cơ quan chức năng, mỗi ngày người dân ở các thành phố lớn thải ra hàng nghìn tấn rác; các cơ sở sản xuất thải ra hàng trăm nghìn mét khối nước thải độc hại; các phương tiện giao thông thải ra hàng trăm tấn bụi, khí độc. Trong tổng số khoảng 34 tấn rác thải rắn y tế mỗi ngày, thì Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh chiếm đến 1/3; bầu không khí của Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh có mức benzen và sunfua dioxit đáng báo động. Theo một kết quả nghiên cứu mới công bố năm 2008 của Ngân hàng thế giới (WB), trên 10 tỉnh thành phố Việt Nam, xếp theo thứ hạng về ô nhiễm đất, nước, không khí, thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội là những địa bàn ô nhiễm đất nặng nhất. Theo báo cáo của Chương trình môi trường của Liên Hợp Quốc, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đứng đầu châu Á về mức độ ô nhiễm bụi.

Tình trạng ô nhiễm môi trường nêu trên có nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan khác nhau, song tập trung ở các nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, những hạn chế, bất cập của cơ chế, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường và việc tổ chức thực hiện của các cơ quan chức năng. Theo thống kê của Bộ Tư pháp, đã có khoảng 300 văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường được ban hành để điều chỉnh hành vi của các cá nhân, tổ chức, các hoạt động kinh tế, các quy trình kỹ thuật, quy trình sử dụng nguyên liệu trong sản xuất. Tuy nhiên, hệ thống các văn bản này vẫn chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ, thiếu chi tiết, tính ổn định không cao, tình trạng văn bản mới được ban hành chưa lâu đã phải sửa

đổi, bổ sung là khá phổ biến. Từ đó, làm hạn chế hiệu quả điều chỉnh hành vi của các cá nhân, tổ chức, các hoạt động kinh tế... trong việc bảo vệ môi trường.

Thứ hai, quyền hạn pháp lý của các tổ chức bảo vệ môi trường, nhất là của lực lượng cảnh sát môi trường, còn những hạn chế, bất cập, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động nắm tình hình, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Chẳng hạn, gần đây, lực lượng cảnh sát môi trường mới được bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, khởi tố vụ án, thực hiện một số hoạt động điều tra theo Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự.

Thứ ba, các cơ sở pháp lý, chế tài xử phạt đối với các loại hành vi gây ô nhiễm môi trường và các loại tội phạm về môi trường còn thiếu và chưa đủ mạnh, dẫn đến hạn chế tác dụng giáo dục, phòng ngừa, răn đe đối với những hành vi xâm hại môi trường. Hiện nay, các mức xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi gây ô nhiễm môi trường thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2006/NĐ-CP ngày 9/8/2006 của Chính phủ; theo đó, mức phạt tối đa cho mỗi hành vi gây ô nhiễm là 70 triệu đồng. Mức phạt này không thấm thía gì so với lợi nhuận mà đối tượng gây ô nhiễm kiếm được. Trong Bộ luật Hình sự năm 1999, các mức xử lý tội phạm về môi trường còn rất thấp, mức phạt tù tối đa đối với cá nhân vi phạm chỉ từ 5 đến 10 năm; trong 10 điều quy định tội phạm về môi trường thì có 8 điều quy định về dấu hiệu "đã bị xử lý hành chính", 5 điều quy định đây là dấu hiệu định tội bất buộc; do vậy, nhiều trường hợp vi phạm nghiêm trọng nhưng không đủ dấu hiệu như "chưa bị xử lý hành chính" nên không xử lý hình sự được. Các

biện pháp xử lý như buộc phải di dời, đóng cửa và đình chỉ hoạt động của các cơ sở gây ô nhiễm môi trường chưa được áp dụng nhiều, hoặc có áp dụng nhưng hiệu quả thấp. Như vậy, cả chế tài về xử lý hành chính lẫn truy cứu trách nhiệm hình sự đều không đủ sức răn đe hành vi vi phạm về môi trường. Do đó, tình trạng tái vi phạm, thậm chí với mức độ trầm trọng hơn, thường xuyên diễn ra và đã có dấu hiệu “thách thức pháp luật”. Điển hình là trường hợp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng của Công ty cổ phần hữu hạn Vedan Việt Nam.

Thứ tư, các cấp chính quyền chưa nhận thức đầy đủ và quan tâm đúng mức đối với công tác bảo vệ môi trường, dẫn đến buông lỏng quản lý, thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát về môi trường. Các sở, phòng Tài nguyên và Môi trường ở các địa phương - cơ quan chịu trách nhiệm chính trong việc bảo vệ môi trường, cũng chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình trong vấn đề này. Công tác thanh tra, kiểm tra về môi trường của các cơ quan chức năng đối với các cơ sở sản xuất dường như vẫn mang tính hình thức, chiếu lệ. Việc tố giác, khiếu nại của người dân địa phương về các hành vi gây ô nhiễm môi trường chưa được các cơ quan chức năng coi trọng, thậm chí có hiện tượng đùn đẩy trách nhiệm, làm ngơ trước những thiệt hại về sức khỏe, tài sản của người dân đang phải sinh sống trong môi trường ô nhiễm. Từ đó, gây bất bình và làm mất lòng tin của người dân vào cơ quan nhà nước; đồng thời, tạo ra ý thức coi thường pháp luật của các đối tượng gây ô nhiễm môi trường.

Công tác thẩm định và đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư còn tồn tại nhiều bất cập và chưa được coi

trọng đúng mức. Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp lý liên quan, các chủ đầu tư phải có Báo cáo đánh giá tác động môi trường khi trình hồ sơ đề nghị phê duyệt và cấp phép đầu tư. Tuy nhiên, tại không ít địa phương, để “trải thảm đỏ” thu hút đầu tư, việc lập, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư chỉ được tiến hành một cách hình thức dẫn đến chất lượng thẩm định và phê duyệt không cao. Bên cạnh đó, việc thiếu những chuyên gia tham gia vào hội đồng thẩm định để phản biện những vấn đề liên quan đến môi trường của dự án; thiếu đại diện của những người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, chịu tác động mạnh nhất khi dự án đi vào thực hiện cũng là một nhân tố làm cho kết quả và chất lượng đánh giá tác động môi trường vừa thiếu khách quan, vừa không cao. Ngoài ra, kết quả thẩm định cũng chỉ mang tính chất tư vấn, còn chấp nhận ý kiến của hội đồng thẩm định hay không là do chủ quan của người có thẩm quyền quyết định đầu tư.

Thứ năm, công tác tuyên truyền, giáo dục, đào tạo về môi trường trong xã hội còn hạn chế, dẫn đến chưa phát huy được ý thức tự giác, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, cộng đồng trong việc tham gia gìn giữ và bảo vệ môi trường.

Thứ sáu, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác bảo vệ môi trường còn hạn chế; phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác kiểm tra chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn. Do đó, trong nhiều trường hợp, đoàn kiểm tra không thể phát hiện được những thủ đoạn tinh vi của doanh nghiệp thải các chất gây ô nhiễm ra môi trường.

Bảo vệ môi trường sinh thái trong quá

trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển kinh tế - xã hội là yêu cầu cấp thiết đặt ra đối với cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành chức năng và mọi công dân.

Để ngăn chặn, khắc phục và xử lý có hiệu quả những hành vi gây ô nhiễm môi trường, cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp chủ yếu sau đây:

Một là, hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường với những chế tài đủ mạnh, bao gồm cưỡng chế hành chính và xử lý hình sự tùy theo mức độ vi phạm, đảm bảo tính nghiêm minh và đủ sức răn đe. Bên cạnh đó, cần xây dựng đồng bộ hệ thống quản lý môi trường trong các nhà máy, các khu công nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế; đồng thời, tổ chức giám sát chặt chẽ nhằm hướng tới một môi trường tốt đẹp và thân thiện hơn với con người.

Hai là, tăng cường công tác nắm tình hình, thanh tra, kiểm tra, giám sát về môi trường (thường xuyên, định kỳ, đột xuất); phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chuyên môn, nhất là giữa lực lượng thanh tra môi trường với lực lượng cảnh sát môi trường các cấp, nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, triệt để những hành vi gây ô nhiễm môi trường của các tổ chức, cá nhân. Đồng thời, cần nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác môi trường; trang bị các phương tiện kỹ thuật hiện đại để phục vụ có hiệu quả hoạt động của các lực lượng này.

Ba là, chú trọng công tác quy hoạch phát triển các khu, cụm, điểm công nghiệp, các làng nghề, các đô thị, đảm bảo tính khoa học cao, trên cơ sở tính toán kỹ lưỡng, toàn diện các xu thế phát triển, từ đó có chính sách phù hợp. Đối với các khu công nghiệp, cần bắt buộc các

công ty đầu tư hạ tầng phải xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung hoàn chỉnh mới được phép hoạt động, đồng thời thường xuyên có báo cáo định kỳ về hoạt động xử lý nước thải, rác thải tại đó.

Bốn là, chú trọng và tổ chức thực hiện nghiêm túc việc thẩm định, đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư: trên cơ sở đó, cơ quan chuyên môn tham mưu chính xác cho cấp có thẩm quyền xem xét quyết định việc cấp hay không cấp giấy phép đầu tư. Việc quyết định các dự án đầu tư cần được cân nhắc kỹ lưỡng giữa lợi ích đem lại trước mắt với những ảnh hưởng của nó đến môi trường về lâu dài. Thực hiện công khai, minh bạch các quy hoạch, các dự án đầu tư và tạo điều kiện để mọi tổ chức và công dân có thể tham gia phản biện xã hội về tác động môi trường của những quy hoạch và dự án đó.

Năm là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về môi trường trong toàn xã hội nhằm tạo sự chuyển biến và nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội của người dân, doanh nghiệp trong việc gìn giữ và bảo vệ môi trường; xây dựng ý thức sinh thái, làm cho mọi người nhận thức một cách tự giác về vị trí, vai trò, mối quan hệ mật thiết giữa tự nhiên - con người - xã hội.

Ô nhiễm môi trường đang là một thách thức lớn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. Để giải quyết tốt vấn đề này, phụ thuộc rất nhiều vào việc nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường của mỗi cá nhân, tổ chức; vào hiệu quả của các biện pháp ngăn chặn, hạn chế gây ô nhiễm môi trường của các cơ quan chức năng. □